

KẾT QUẢ PHẪU THUẬT THẨM MỸ MÍ TRÊN TẠI BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Hoàng Văn Hồng¹, Ngô Văn Toàn², Trần Quỳnh Anh², Phạm Quang Anh¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá kết quả phẫu thuật thẩm mỹ mí trên tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu tiến cứu, mô tả cắt ngang trên 124 người bệnh được phẫu thuật thẩm mỹ mí trên từ tháng 01/2022 đến tháng 6/2024. Kết quả người bệnh tự đánh giá bằng thang điểm Blepharoplasty Outcome Evaluation (BOE) vào 3 thời điểm trước phẫu thuật và sau phẫu thuật 1 tháng, 3 tháng.

Kết quả: Tuổi trung bình của người bệnh là 44±14 tuổi, nữ giới chiếm 84%. Sau 3 tháng, 82% trường hợp đạt kết quả rất tốt, 16% tốt và 1,6% trung bình; không có trường hợp kết quả kém. Tổng điểm BOE tăng từ 25±15 trước mổ lên 74±13 sau 1 tháng và 81±14 sau 3 tháng ($p<0,001$). Các biến chứng sau mổ chủ yếu nhẹ, giảm dần theo thời gian và hầu như hết sau 3 tháng.

Kết luận: Hẫu thuật thẩm mỹ mí trên tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội cho kết quả điều trị tốt, tỷ lệ biến chứng thấp và mức độ hài lòng của người bệnh cao. Hiệu quả điều trị tiếp tục cải thiện trong 3 tháng đầu sau phẫu thuật.

Từ khóa: Phẫu thuật thẩm mỹ mí trên, kết quả điều trị, BOE.

SUMMARY

UPPER EYELID BLEPHAROPLASTY OUTCOMES AT HANOI MEDICAL UNIVERSITY HOSPITAL

Objectives: To evaluate the outcomes of upper blepharoplasty at Hanoi Medical University Hospital.

Subjects and methods: A prospective descriptive study was conducted on 124 patients who underwent upper blepharoplasty between January 2022 and June 2024. Surgical outcomes were assessed by a 4-point Likert scale. Patient-reported outcomes were assessed using the Blepharoplasty Outcome Evaluation (BOE) questionnaire before surgery and at 1 and 3 months postoperatively.

Results: The mean age of the participants was 44 ± 14 years, and 84% were female. At 3 months postoperatively, surgical outcomes were rated as excellent in 82% of patients, good in 16%, and fair in 1.6%; no patient had a poor outcome. The mean total BOE score increased significantly from 25 ± 15 preoperatively to 74 ± 13 at 1 month and 81 ± 14 at 3 months after surgery ($p < 0.001$). Postoperative complications were generally minor, decreased over time, and had almost completely resolved by 3 months.

Conclusion: Upper eyelid blepharoplasty at Hanoi Medical University Hospital achieved favourable surgical outcomes, with a low complication rate and high patient satisfaction. Surgical outcomes continued to improve during the first three months after surgery.

Keywords: upper blepharoplasty, surgical outcomes, BOE.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kết quả phẫu thuật thẩm mỹ (PTTM) trước đây thường được hiểu là kết quả do bác sĩ đánh giá. [1] Trong những năm gần đây, đã có sự thay đổi về xu hướng đánh giá kết quả phẫu thuật thẩm mỹ, khi mà tầm quan trọng của kết quả do người bệnh tự đánh giá ngày càng tăng lên. Xu hướng này phù hợp với mục tiêu của phẫu thuật thẩm mỹ (PTTM) là cải thiện ngoại hình của bản thân thông qua việc phẫu thuật tái tạo các bộ phận trên cơ thể, từ đó giúp cải thiện tâm lý NB và nâng cao chất lượng cuộc sống.[2]

PTTM mí mắt, trong đó có PTTM mí trên, là một trong những phẫu thuật thẩm mỹ phổ biến nhất.[3] Theo thống kê của Hiệp hội Tạo hình thẩm mỹ thế giới năm 2019, PTTM mí mắt phổ biến thứ ba với khoảng 1,3 triệu trường hợp được thực hiện trên toàn thế giới.[4] Một số tác giả nước ngoài nhận thấy PTTM mí trên có tỷ lệ hài lòng cao, tuy nhiên dưới tác động của truyền thông không hợp lý có thể dẫn tới những kỳ vọng quá cao và không hài lòng với kết quả phẫu thuật và các dịch vụ y tế liên quan. [5]

Tại Việt Nam, PTTM mí trên ngày càng trở nên phổ biến, nhưng hiện nay chưa có nhiều nghiên cứu về kết quả điều trị của người bệnh PTTM mí mắt trong y văn tiếng Việt. Đây là một chủ đề, theo

¹Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

²Đại học Y Hà Nội

Tác giả chịu trách nhiệm chính: Hoàng Văn Hồng

Email: drhongtm@gmail.com

Mã bài: N31701

Ngày nhận bài: 15/5/2026

Ngày phản biện khoa học: 14/5/2026

Ngày duyệt bài: 25/6/2026

chúng tôi, là đáng để tìm hiểu, vì người Việt Nam nói riêng và người châu Á nói chung có đặc điểm giải phẫu và quan niệm về đẹp mí mắt khác biệt so với người Âu Mỹ. Vì vậy, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này để đánh giá kết quả điều trị của NB PTTM mí trên.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

2.1. Thiết kế

Tiến cứu, mô tả cắt ngang

2.2. Đối tượng

Nghiên cứu gồm 124 người bệnh phẫu thuật thẩm mỹ mí trên

Tiêu chuẩn lựa chọn

- Thừa da mỡ mí trên
- Đủ 18 tuổi trở lên
- Tự nguyện tham gia nghiên cứu

Tiêu chuẩn loại trừ

- Sụp mí bẩm sinh
- Sụp mí sau chấn thương
- Chống chỉ định với PTTM mí mắt (bệnh lý nội ngoại khoa nặng kèm theo, bệnh lý tâm thần)

2.3. Địa điểm và thời gian

Địa điểm: Khoa Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Thời gian: 1/2022-6/2024

2.4. Công cụ nghiên cứu

- Kết quả điều trị được đánh giá bằng thang điểm Likert 4 điểm, được đánh giá vào thời điểm sau phẫu thuật 3 tháng

- Thang điểm BOE (Blepharoplasty Outcome Evaluation): gồm 6 câu hỏi dạng Likert 5 điểm, thuộc 3 lĩnh vực liên quan tới mắt: chức năng, thẩm mỹ và vấn đề xã hội. Mỗi câu hỏi được tính điểm 0 – 100, với điểm càng cao thì người bệnh càng hài lòng với kết quả điều trị.

Bảng 3. Điểm BOE

	Trước mổ Trung vị [IQR]	Sau mổ 1 tháng Trung vị [IQR]	Sau mổ 3 tháng Trung vị [IQR]
Yêu thích đôi mắt của bản thân	0 [0-1]	2 [2-3] $p_{1m-b} < 0,0001^*, \chi^2=240$	3 [2.25-3] $p_{3m-b} < 0,0001^*, \chi^2=240$ $p_{3m-1m} < 0,0001, \chi^2=52$
Đôi mắt của bản thân khiến bạn mệt mỏi	1 [0-2]	4 [4-4] $p_{1m-b} < 0,0001^*, \chi^2=120$	4 [4-4] $p_{3m-b} < 0,0001^*, \chi^2=123$ $p_{3m-1m} = 0,86, \chi^2=0,7$

2.4. Nhập và xử lý số liệu

Số liệu được mã hóa và nhập vào máy tính bằng phần mềm EPI DATA, xử lý số liệu bằng phần mềm R.

Sử dụng test Khi bình phương, *Fisher's exact test* khi so sánh các biến thứ hạng với mức ý nghĩa thống kê $< 0,05$.

2.5. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được thông qua Hội đồng đạo đức Đại học Y Hà Nội số IRB00003121. Dữ liệu của người bệnh trong nghiên cứu được bảo mật theo tiêu chuẩn.

III. KẾT QUẢ

Trong tổng số 124 người tham gia, có 112 nữ, chiếm 84%.

Tuổi trung bình của người tham gia nghiên cứu là 44 ± 14 tuổi.

Bảng 1. Kết quả điều trị

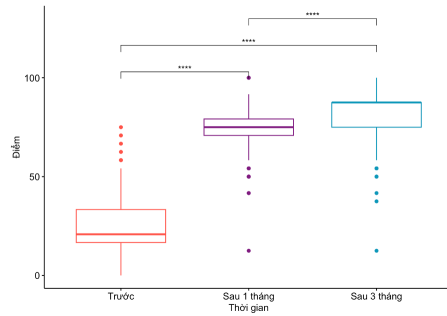
Kết quả	N (%)
Rất tốt	102 (82)
Tốt	20 (16)
Trung bình	2 (1,6)
Kém	0

Bảng 2. Các triệu chứng trước và sau mổ

Triệu chứng	Trước mổ N (%)	Sau mổ 3 tháng N (%)
Cảm giác nặng mi	81 (65)	13 (10)
Hạn chế trường nhìn trên	25 (20)	6 (5)
Mỏi mắt	17 (14)	1 (0,8)

	Trước mổ Trung vị [IQR]	Sau mổ 1 tháng Trung vị [IQR]	Sau mổ 3 tháng Trung vị [IQR]
Mức độ yêu thích đôi mắt của bạn bè	1 [1-2]	2 [2-3] $p_{1m-b} < 0,0001^*$, $\chi^2=106$	3 [2-3] $p_{3m-b} < 0,0001^*$, $\chi^2=132$ $p_{3m-1m} < 0,0001$, $\chi^2=30$
Về ngoài đôi mắt gây cản trở các hoạt động xã hội	3 [2-4]	4 [4-4] $p_{1m-b} < 0,0001^*$, $\chi^2=52$	4 [4-4] $p_{3m-b} < 0,0001^*$, $\chi^2=63$ $p_{3m-1m} = 0,28$, $\chi^2=4$
Tự tin đôi mắt của mình là đẹp nhất có thể	0 [0-1]	2 [2-3] $p_{1m-b} < 0,0001^*$, $\chi^2=150$	3 [2-3] $p_{3m-b} < 0,0001^*$, $\chi^2=160$ $p_{3m-1m} < 0,0001^*$, $\chi^2=35$
Mong muốn phẫu thuật thay đổi đôi mắt mình	0 [0-0]	4 [4-4] $p_{1m-b} < 0,0001^*$, $\chi^2=215$	4 [4-4] $p_{3m-b} < 0,0001^*$, $\chi^2=211$ $p_{3m-1m} = 0,97$, $\chi^2=0,7$

p_{1m-b} : so sánh sau phẫu thuật 1 tháng so với trước phẫu thuật
 p_{3m-b} : so sánh sau phẫu thuật 3 tháng với trước phẫu thuật
 p_{3m-1m} : so sánh sau phẫu thuật 3 tháng với sau phẫu thuật 1 tháng

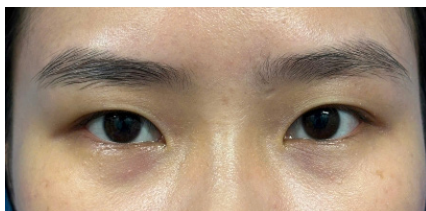


p_{1m-b} , p_{3m-b} , $p_{3m-1m} < 0.0001^*$

Biểu đồ 1. Tổng điểm BOE

Bảng 4. Các biến chứng sau mổ

Biến chứng	1 tuần đầu sau mổ N (%)	Sau mổ 1 tháng N (%)	Sau mổ 3 tháng N (%)
Chảy máu	1 (0,8)	0	0
Tụ máu	3 (1,6)	0	0
Hở mí	5 (4)	2 (1,6)	0
Khô mắt	5 (4)	1 (0,8)	0
Hai mắt chưa cân đối	12 (10)	4 (3,2)	1 (0,8)



Trước mổ



Sau mổ 1 tuần

Người bệnh nữ, 28 tuổi, phẫu thuật tạo hình mắt hai mí

IV. BÀN LUẬN

Nữ giới chiếm đa số trong những người tham gia nghiên cứu. Như đã biết, nữ giới có xu hướng quan tâm hơn về hình ảnh cơ thể và dành nhiều thời gian để đạt được vẻ ngoài tối ưu.[6] Kết quả này tương tự với Xin Liu.[7].

98% NB có kết quả điều trị tốt, và không có ca nào có kết quả kém. Có nhiều yếu tố đóng góp đạt được kết quả điều trị tốt cao như vậy, trong đó bao gồm kinh nghiệm của bác sĩ phẫu thuật, quy trình chăm sóc sau mổ, quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn.

Các triệu chứng liên quan đến mí mắt có sự cải thiện rõ rệt sau mổ, đặc biệt là triệu chứng mỏi mắt, với tỷ lệ giảm 94%. Tất cả NB đều hết hoặc giảm cảm giác nặng mí sau mổ, tuy nhiên còn 13 NB vẫn còn triệu chứng này.

Điểm BOE có sự thay đổi rõ rệt ở thời điểm 1 và 3 tháng sau mổ. Các mục “Yêu thích mí mắt của bản thân”, “Bạn bè/Người thân thích đôi mắt của bạn”, “Tự tin với đôi mắt của bản thân” có sự cải thiện nhiều theo thời gian, cho thấy NB, gia đình và bạn bè của họ cần thời gian để làm quen với sự thay đổi diện mạo đôi mắt của bạn. Các mục “Thấy mệt mỏi do đôi mắt của bản thân” và “Đôi mắt của bạn gây hạn chế các hoạt động xã hội và chuyên môn” có sự cải thiện lớn 1 tháng sau mổ, nhưng tiếp đó không thay đổi đáng kể vào thời điểm 3 tháng sau mổ. Kết quả này cho thấy NB cảm thấy đáng về mới của họ có thể mở ra các cơ hội mới về cuộc sống xã hội và chuyên môn. Bác sĩ phẫu thuật phải giúp NB đạt được cách nhận thức này qua tư vấn và phẫu thuật. Mục “Bạn muốn thay đổi đôi mắt của bản thân” có trung vị điểm thay đổi từ 0 (Chắc chắn) vào thời điểm trước mổ thành 4 (Không hề) vào 1 tháng sau mổ, cho thấy NB hài lòng với kết quả phẫu thuật, gián tiếp thể hiện NB hài lòng với kết quả điều trị. Tổng điểm BOE trước mổ, sau mổ 1 tháng và sau mổ 3 tháng lần lượt là 25 ± 15 , 74 ± 13 và 81 ± 14 . Tổng điểm BOE vào thời điểm 3 tháng sau mổ tăng rõ rệt so với trước mổ và 1 tháng sau mổ (p_{1m-b} , p_{3m-b} , $p_{3m-1m} < 0.001$). Kết quả này cho thấy sự hài lòng chung của NB với kết quả điều trị tăng dần theo thời gian.

Do mắt có cấu tạo giải phẫu phức tạp và tinh xảo, nên biến chứng sau phẫu thuật là không thể tránh khỏi.[8] Trong nghiên cứu của chúng tôi,

biến chứng gặp nhiều nhất là hai mắt chưa cân đối. Biến chứng này mang tính tạm thời do mắt người bệnh thường sưng nề sau mổ, và giảm dần theo thời gian. Đến thời điểm 3 tháng sau mổ, chỉ còn 1 NB có hai mắt chưa cân đối. Trường hợp này NB có bệnh lý nền là liệt nửa mặt trái, do vậy việc phẫu thuật giúp mí cân đối hơn, nhưng không thể đạt được tính cân xứng hoàn toàn. Có 1 NB bị chảy máu sau mổ 1 ngày, được mở vết mổ và cầm máu kịp thời. Nguyên nhân chảy máu nghĩ nhiều tới do NB vận động mạnh, do NB này có thói quen chơi thể thao thường xuyên.

V. KẾT LUẬN

Phẫu thuật thẩm mỹ mí trên tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội cho kết quả điều trị tốt, với 98% người bệnh đạt kết quả tốt hoặc rất tốt sau 3 tháng, tỷ lệ biến chứng thấp và chủ yếu là các biến chứng nhẹ, hồi phục theo thời gian. Phẫu thuật giúp cải thiện rõ rệt các triệu chứng liên quan đến mí mắt, đồng thời nâng cao mức độ hài lòng của người bệnh, với tổng điểm BOE tăng có ý nghĩa thống kê sau 1 tháng và tiếp tục cải thiện sau 3 tháng. Kết quả nghiên cứu cho thấy phẫu thuật thẩm mỹ mí trên là phương pháp an toàn, hiệu quả, góp phần cải thiện ngoại hình, tâm lý và chất lượng cuộc sống của người bệnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Swanson E.** Objective assessment of change in apparent age after facial rejuvenation surgery. *J Plast Reconstr Aesthet Surg.* Netherlands; 2011;64:1124–31. <https://doi.org/10.1016/j.bjps.2011.04.004>
2. **Rankin M, Borah GL, Perry AW, Wey PD.** Quality-of-life outcomes after cosmetic surgery. *Plast Reconstr Surg.* United States; 1998;102:2139–45; discussion 2146-2147. <https://doi.org/10.1097/00006534-199811000-00053>
3. **Patel BC, Malhotra R.** Upper Eyelid Blepharoplasty. StatPearls [Internet]. Treasure Island (FL): StatPearls Publishing; 2026 [cited 2026 July 28]. <http://www.ncbi.nlm.nih.gov/books/NBK537078/>. Accessed 28 July 2026
4. **ISAPS** international survey on aesthetic/cosmetic procedures (2020).
5. **Papadopoulos NA, Hodbod M, Henrich G, Kovacs L, Papadopoulos O, Herschbach P, et al.** The Effect of Blepharoplasty on Our Patient's Quality of Life, Emotional Stability, and Self-Esteem. *J*

Craniofac Surg. United States; 2019;30:377–83. <https://doi.org/10.1097/SCS.0000000000005057>

6. Quittkat HL, Hartmann AS, Düsing R, Buhlmann U, Vocks S. Body Dissatisfaction, Importance of Appearance, and Body Appreciation in Men and Women Over the Lifespan. *Front Psychiatry*. 2019;10:864. <https://doi.org/10.3389/fpsyt.2019.00864>

7. Liu X, Han Y, Shen Q, Xu Y, Yang S, Zhang J, et al. Factors Affecting Patient Satisfaction with Double-Eyelid Blepharoplasty. *Aesth Plast Surg* [Internet]. 2024 [cited 2024 Aug 16]; <https://doi.org/10.1007/s00266-024-04127-6>
8. Oestreicher J, Mehta S. Complications of blepharoplasty: prevention and management. *Plast Surg Int. United States*; 2012;2012:252368. <https://doi.org/10.1155/2012/252368>

SCHWANNOMA DẠ DÀY, BÁO CÁO CA LÂM SÀNG HIẾM GẶP VÀ ĐIỂM LẠI Y VĂN

Thái Nguyên Hưng¹, Thái Diệp Anh²

TÓM TẮT

Nghiên cứu hồi cứu ca lâm sàng Schwannoma dạ dày hiếm gặp với 2 mục tiêu:

- Báo cáo ca lâm sàng schwannoma dạ dày.
- Điểm lại Y văn.

Kết quả nghiên cứu: Bệnh nhân (BN) nam, 49 tuổi (T), Tiền sử: Viêm dạ dày tá tràng (DD-TT). Đau thượng vị không rõ, khám sức khỏe phát hiện khối U mặt sau hang vị và môn vị. Triệu chứng lâm sàng: Đau thượng vị không rõ, không sốt, không nôn, khám không sờ thấy mass thượng vị. Chụp cắt lớp vi tính (CLVT): Dạ dày không đều quanh chu vi hang môn vị dạ dày 15mm-40mm, vùng rốn gan, đầu tụy và dọc theo bờ cong nhỏ (BCN) có hạch kích thước 40-35 mm. Nội soi dạ dày (NSDD): Viêm niêm mạc dạ dày. Xét nghiệm (XN): Hồng cầu 4,26 T/L; Huyết sắc tố 112 g/L; Bạch cầu: 8,7 G/L; Tiểu cầu 280 G/L. Sinh hóa: Urê 6.20 mmol/L. Creatinin 86,84 μ mol/L; Bilirubine 16,57 μ mol/L; AST 25,22 μ mol/L; ALT 16,14 μ mol/L; Đường 3,83 mmol/L. Tổn thương trong mổ: khối U mặt sau hang, môn vị dạ dày kích thước (KT) 10-6 cm, chắc, lan rộng, không có chân, nằm trước đầu tụy nhưng không xâm lấn đầu tụy, mặt độ chắc, ranh giới khá rõ, U ăn sâu vào mặt sau

hang môn vị, chân rộng. Mổ cắt 2/3 dạ dày (DD), nối DD-Hổng tràng Finsterer. Hậu phẫu bình thường.

Kết quả giải phẫu bệnh (GPB): U tế bào hình thoi. Hóa mô miễn dịch (HMMD): S100 (+); SOX 10(+); Ki 67(+)<3%; CD117(-); CD 34(-), DOG-1(-). HMMD phù hợp với Schwannoma dạ dày.

Kết luận: Schwannoma dạ dày là khối U lành tính hiếm gặp xuất phát từ tế bào Schwann của bao thần kinh ngoại vi. Schwannoma DD thường chẩn đoán nhầm với các khối U dưới niêm mạc như GIST dạ dày, Leiomyoma dạ dày hay các khối U trung mô khác. Chẩn đoán xác định bằng hóa mô miễn dịch. Schwannoma dạ dày là khối U lành tính, tiên lượng tốt, không xâm lấn hạch. Phẫu thuật lấy hết khối U với diện cắt R0 là phương pháp điều trị triệt căn.

Từ khóa: Schwannoma dạ dày, U dưới niêm mạc dạ dày; U trung mô dạ dày.

SUMMARY

GASTRIC ANTRAL SCHWANNOMA: A CASE REPORT AND REVIEW OF THE LITERATURE

Aim of Study:

- Case Report of Gastric Antral Schwannoma.
- Review of the Literature.

Patient and method: Retrospective study (case report)

Result: A 49 year-old male, presented with epigastric pain and weight loss, No mass palpable on physical examination.

¹Bệnh viện K

²Trường Đại học Y Hà nội

Chịu trách nhiệm chính: Thái Nguyên Hưng
Email: thainguyenhung70@gmail.com

Mã bài: N809

Ngày nhận bài: 8/5/2026

Ngày phản biện khoa học: 6/5/2026

Ngày duyệt bài: 20/6/2026